

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CAU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV _____

Date: _____
Ngày: _____

A. Basic identification data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ tên : HUỖNH HỮU TRUNG Sex: _____
Phái: Male / Nam
2. Other name
Họ tên khác :
3. Date, Place of birth June 11th 1952 Khánh Hòa Province, Vietnam.
Ngày nơi sinh :
4. Residence address
Địa chỉ thường trú : 48/4 đường Nguyễn Biểu Quận 5.TP.Hồ Chí Minh VN.
5. Mailing address
Địa chỉ thư từ : 48/4 đường Nguyễn Biểu Q5 TP. Hồ Chí Minh Vietnam
6. Current occupation
Nghề nghiệp hiện tại : không có

B. Relative to accompany me/Đã con cùng đi với tôi:

Name Họ.Tên	Date of Birth N/T/N.sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex :	MS :	Relationship Liên hệ gia đình
01. Ngô Khánh Ngọc	: 22-9-1954	: Nha Nhì	: F	: M	: Wife / Vợ
02. Huỳnh Hoa Ngọc Quỳnh	: 26-4-1983	: TP.Hồ Chí Minh	: F	: S	: Daughter/con
03. Nguyễn Thị Hôn	: 29-1-1929	: Khánh Hòa	: F	: W	: Mother/Mẹ
04. Huỳnh Hữu Chí	: 1954	: Khánh Hòa	: M	: S	: Brother/em

C. Relative outside Vietnam/Họ hàng ở ngoại quốc: Có/Không có.

D. Complete family listing/Danh sách toàn thể gia đình:

1. Father
Cha : HUỖNH HỮU BAN, 1921, Dead in reeducation camp Hồng Liên Sơn 1977
2. Mother
Mẹ : NGUYỄN THỊ HÔN, 1929 (Living/Sống)
3. Spouse
Vợ : NGO KHÁNH NGỌC, 1954 (Living/Sống)
4. Former spouse: No
Vợ trước : Không có.
5. Children
Con cái : HUỖNH HỮU NGỌC QUỲNH, 1983 (Living/sống)
6. Siblings
Anh chị em :
 - (1) HUỖNH THỊ MỸ HUONG, 1948, Sister/chị, Living/sống.
 - (2) HUỖNH THỊ MỸ NGÀ, 1951, Sister/chị, Living/sống.
 - (3) HUỖNH HỮU CHÍ, 1954, Brother/em, Living/sống
Second-lieutenant, Platoon leader, Battalion 3th, Airborne Division ARVN.
Thiếu úy Trung đội trưởng, Tiểu đoàn 3, Sư đoàn Nhảy dù QLVNCH.
 - (4) HUỖNH HỮU KIM, 1956, Brother/em, living/sống.
 - (5) HUỖNH HỮU QUANG, 1960, Brother/em, living/sống.
 - (6) HUỖNH THỊ MỸ TRINH, 1963, Sister/em, living/sống.
 - (7) HUỖNH HỮU KHOA, 1965, Brother/em, living/sống.
 - (8) HUỖNH HỮU ĐĂNG, 1968, Brother/em, Living/sống.

E. Employment by US Government Agencies or other US organization of you or your spouse : Không có.

F. Service with CVN or RVNAF by you/Bạn đã công vụ với Chính Phủ VN:

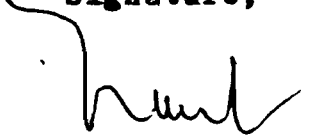
1. Name of person serving :
Họ tên người tham gia: HUỖNH HỮU TRUNG
 2. Dates From: To:
Ngày, tháng, năm Từ: 03-8-1971 Đến: 30-4-1975
 3. Last rank : Assistant of Chief district.
Cấp bậc cuối cùng : Phó Đốc sự hạng 2, Phó Quận trưởng
 4. Ministry/Office/Military unit: Ministry of the Interior, Thừa thiên Province, Phú Lộc district.
 5. Name of Supervisor/C.O. : COL Nguyễn Hữu Duê, Chief Province.
Họ tên người sĩ quan chỉ huy: Lt. Col Phạm Văn Thoại, Chief District.
 6. Reason for separation: 30.4.1975 event.
Lý do nghỉ việc
 7. Name of American adviser: No
Họ tên cố vấn Mỹ : Không.
 8. US Training courses in Vietnam : No
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN : Không.
 9. US Award or certificates: No/không.
- G. Training outside Vietnam of you or your spouse : No.
Bạn hoặc vợ đã được huấn luyện ở ngoại quốc : Không.
- H. Reeducation of you or your spouse/Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo:

1. Name of person in reeducation
Họ tên người học tập cải tạo : HUỖNH HỮU TRUNG
 2. Time in reeducation: From: To:
Thời gian học tập Từ : 15.6.1975 Đến: 20.1.1976.
 3. Still in reeducation ? No
Vẫn còn học tập cải tạo? Không.
- I. Any additional remarks? / Gương chú phụ thuộc.

Xin được đính cư tại Hoa-Kỳ gia đình mẹ và em. Cha: Đại Tá, QLVNCF, Huỳnh Hữu Ban, SQ: 41/100.701, Trưởng Phòng 5 Bộ TTH, thành viên phái đoàn quân sự Hoà đàm Paris 1973. Đã chết trong trại học tập cải tạo AH-2NT (Tỉnh Hoàng Liên Sơn) năm 1977.

Xin cho em trai cùng đi là: Huỳnh Hữu Chí, Thiếu úy QLVNCF, Trung đội trưởng Tiểu đoàn 3, Sư đoàn Nhảy Dù, tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt Khóa 29, số quân: 74/101.100, Học tập cải tạo từ 28.6.1975 tới 06.9.1980 tại trại Hàm Tân Z-30c và bị giam vì tội vượt biên từ 30.3.1987 đến 30.9.1988 tại Tỉnh Hậu Giang.

Date, 15.7.1988
Signature,


Huỳnh Hữu Trung

BỘ QUỐC PHÒNG
ĐOÀN 776

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /CS

Ngày... tháng... năm 1978

GIẤY BẢO TỬ

Kính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN ... Quận 5 ... Sài Gòn
... Thành phố Hồ Chí Minh ...

- ĐOÀN 776 xin trân trọng báo để quý ban rõ :
- Anh : Huỳnh Hữu Ban ... Sinh : 1921 ... tuổi .
 - Là : Đại úy ... Trưởng phòng 5 ... 'Nguy'
 - Sinh quán tại : Thạch Hòa ... Tây Phước , Bình Định .
 - Trú quán tại : 1067A ... Trần Hưng Đạo , Sài Gòn 5 ...
... Thành phố Hồ Chí Minh ...

- Đi tập trung học tập cải tạo ngày 15 tháng 6 năm 1975
- Đã chết ngày 17 tháng 5 năm 1977

- Vì : Ưng thu phiến nạng , Không chịu chữa đước ...
- Địa điểm mai táng tại : Đồi cây Khế , Xã Việt Long ...
... Huyện Trảng Yển , Tỉnh Hoàng Liên Sơn ...

Đơn vị phụ trách đã tổ chức mai táng cho anh Huỳnh Hữu Ban ... theo đúng chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước cách mạng , có hòm ghi dấu mộ phần , có hồ sơ tử vong và sơ đồ địa điểm mai táng hiện lưu trữ tại đơn vị .

ĐỀ NGHỊ ỦY BAN

- 1/ Báo cho thân nhân anh : Huỳnh Hữu Ban ...
Là : Võ ... Nguyễn Thị Hoàn ...
Hiện ở : 1067A ... Trần Hưng Đạo , Sài Gòn 5 ...
... Thành phố Hồ Chí Minh ... biết .

- 2/ Trong quá trình học tập cải tạo anh Huỳnh Hữu Ban ... đã có nhiều tiện bộ , đủ tiêu chuẩn để khôi phục quyền công dân , đề nghị Ủy ban xét đề gia đình anh Huỳnh Hữu Ban ... được ghi nhận vào hồ sơ hộ tịch .

T/L THU TRƯỞNG ĐOÀN 776



Thiếu tá
Đàm Văn Đĩnh

Ghi chú : Giấy báo này có hai bản , một bản thông báo về Ủy ban địa phương , một bản giao về gia đình thân nhân anh

Huỳnh Hữu Ban ... để khi có thông báo được phép đi thăm mộ chỉ thi dùng giấy này là phương tiện giao dịch . /.

BỘ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
/CHT

Độc lập - tự do - hạnh phúc
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

08/07/1980
X 1.1.1
H 1.1.1

Theo thông tư số 96-TC/TT ngày 31-5-1961 của bộ nội vụ.
Thi hành quyết định thành lập 14-116 ngày 15-8-1980 của

bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau:

Họ, tên khai sinh : HUYNH HUU CHI
Họ, tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh ngày 11 tháng 4 năm 1954
Sinh quán : Khánh Hòa
Trú quán : 48/4 Kháng chiến, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
Cán tội : Thiếu úy Trung đội trưởng.
Bị bắt ngày 26-6-1975
Án phạt : Tập trung cải tạo.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI NGUYỄN ĐƯỢC VỆ
CÁI THẢ ĐƯỢC NGÀY 07 tháng 3 năm 1980
Đã trả
8405

Nay về cư trú tại: (không được cư trú trong thành phố, còn các nơi khác do chính quyền địa phương quyết định).

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : Luôn tỏ ra yên tâm học tập cải tạo, tin tưởng vào chính sách khoan hồng của chính quyền, chưa có biểu hiện gì xấu.
Đạo đức : Đảm bảo ngày công, luôn hoàn thành công việc được giao có năng lượng.
Đời sống : Không sai phạm gì lớn.
Học tập : Tham gia đầy đủ phần tập huấn.
Quản chế : /thủ:

Đã thay ngón trở phải. /tên chữ / ngày 6 tháng 9 năm 1980

Huỳnh Hữu Chí

Thiếu tá: Phạm Huệ

To:

Families of Vietnamese political prisoners association
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
USA.

Tỉnh KHÁNH-HÒA

Quận NINH-HÒA

Xã NINH-HIỆP

Số hiệu : 44

GIẤY KHAI-SANH

HỌ TÊN NGƯỜI CON	HUYNH - HỮU - TRUNG
Quốc-Tịch	VIỆT - NAM
Con trai hay con gái	TRAI
Sanh ngày, tháng, năm (Viết toàn chữ và chưa thêm số)	Mười một, tháng sáu, năm 1952 (II - 06 - 1952)
Sanh tại làng, quận, tỉnh	Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Minh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán, trú-quán của người cha (nếu cha mẹ có giá-thứ chánh đáng hoặc người cha nhận chính là con mình) không thì khoản này bỏ trống	HUYNH-HỮU-BAN, 31 tuổi, sanh quán Làng Thanh-Hòa (Bình-Định) nơi quán Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Minh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán và trú-quán của người mẹ (khi nào không biết người mẹ là ai thì khoản này bỏ trống)	NGUYỄN-THỊ-HUÂN, 23 tuổi, nội-trợ sanh trú quán Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Minh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Ngôi thứ của người mẹ (nếu mẹ có giá-thứ hợp-pháp thì kê rõ vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ)	VỢ - CHÁNH
Họ tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán, trú-quán của người khai	HUYNH-HỮU-BAN, 31 tuổi, PHÚ-TẠNG NINH - HÒA.
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán và trú-quán của người làm chứng thứ nhất	NGUYỄN-THỊ-TỎ, 39 tuổi, thợ-ký Phu Minh-Hòa, sanh trú quán Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Minh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.

Lê chừa để lược biên án tòa sử giấy khai này lại hoặc để in các quốc, chủ khác.

TRẦN-NHU-HÀ, 46 tuổi, thượng-hạng y-ta Việt-Nam, sanh quán Làng Tam-ích, Tổng ích-Hà, Phủ Ninh-Hòa, ngũ quan Ninh-Hòa.

Người khai
HUYỀN-HỮU-BAN
(Ký tên)

Người làm chứng
thứ nhất

NGUYỄN-THỎ-TỎ
(Ký tên)

Người làm chứng
thứ nhì
TRẦN-NHU-HÀ
(Ký tên)

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

VỠ - SÔNG

(Ký tên, đóng dấu)

Khoản trống để công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.

DRUG TRICH-LUC EASY SO BO

三

50

2

[illegible]

11

三

—

1

三

WILLIAM J. HARRIS

CHÚ Ý : — Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực.

- Người nào không biết ký tên thì phải in dấu tay vào, Ủy viên Hộ tịch phải chứng rõ ràng người ấy không biết ký tên.

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ
SỞ TƯ PHÁP - TRƯỞNG - PHAN
TÒA HOÀ GIẢI QUẬN NINH-HOÀ

"CHUNG CHI THE-VI KHAI - SANH"
số: 7009/5...

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy
ngày... tháng... năm...
Tòa Hòa Giải Quận Ninh-Hoà chúng tôi là:
..... Quận-Trưởng kiêm
Thước-Phân Hoà-Giải Quận Ninh-Hoà ngồi
tại Văn-phòng Quận NINH-HOÀ có Ông PHAN-
BÁ giúp việc.

ĐA ĐẾN HẦU:

Nguyễn-thị - Nam 31

nơi-trú

Ông, Bà...
sinh chánh quán thôn...
trú - quán...
thẻ kiểm-tra số...
cấp ngày... tại...

Thỉnh-cầu Tòa-án cấp cho... I bản "CHUNG CHI THE-VI
KHAI S. KH" để tùy nghi tiện-dụng, theo như đơn đã đệ tại bản Tòa ngày...
tháng... năm 19...

Đương-sự dẫn ba nhân-chứng sau đây để chứng thực lời khai
của y:

1/...
trú quán tại thôn...
thẻ kiểm-tra số...
cấp tại... ngày.../.../195...

2/...
trú quán tại thôn...
Thẻ kiểm-tra số...
cấp tại... ngày.../.../195...

3/...
trú quán tại thôn...
Thẻ kiểm-tra số...
cấp tại... ngày.../.../195...

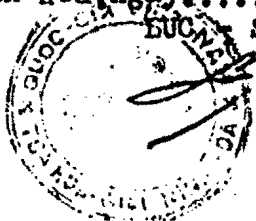
Ba nhân chứng này sau khi đã tuyên-thệ và nghe đọc các điều
334...
tu, ...
năm...
tại thôn...
Con Ông...
và Bà...
hiện trú-quán tại thôn...

Và duyên-cớ mà y không thể xin sao lục KHAI SANH được là vì
"Bản chánh bị thất lạc và... trong thời kỳ chiến-tranh":
Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy "THE-VI KHAI -
SANH" này cho tên: ...
48 Hoàng-Việt Hộ-Luật và các người chứng có ký tên với tôi và Viện Lục - sự
sau khi đọc lại./.

Phan-thành Lục...
Nguyễn-thị-Nam...
1) Phan-van-thanh
2)
3)

(ký tên và đóng dấu)

Ninh-Hoà, ngày... tháng... năm 1960



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Người chồng ký

Người vợ ký

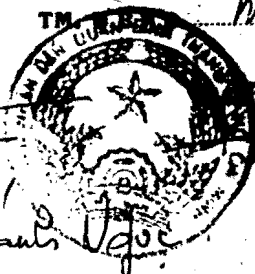
TM

Đăng ký ngày tháng năm 19

hình thành

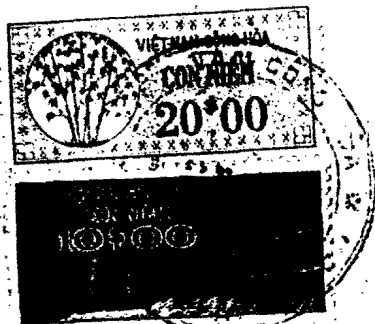
Huỳnh Hữu Trung

Ngô Khánh Ngọc



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Được sao y theo bản chính để tại
phòng Lục-sự Tòa Hòa-Giải Saigon.



Số 871/HT

Ngày 6 tháng 7 năm 1955

GIẤY THẺ VI KHAI-SANH cho

(tên) NGUYỄN VĂN TRÀ

NGUYỄN VĂN TRÀ

Năm một ngàn chín trăm

55, ngày 6 tháng 7, hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là

Nguyễn Văn Trà, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải

Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-

Huê có Lục-sự Nguyễn Văn Trà

phụ-tá,

Tờ thứ nhất:

1o) NGUYỄN VĂN TRÀ, 35 tuổi, làm công, ngụ tại
Kao, đường Albert Ier, số 32 Thẻ căn cước số
013.862 HD - Ra ngày 16-7-53.

2o) LÊ DINH BÁT, 27 tuổi, buôn bán, ngụ tại
Saigon, hẻm đường Richeux nối dài, số 307 - Giấy
chứng nhận căn cước số 23.086 - Hải Phòng,
25.4.55.

30) NGO DOAN NGHENH, 21 tuổi, học sinh, ngụ tại
Phủ Thọ, đường Marechal Foch, số 157 - Giấy thông hành
số 1079-CA/TU Saigon 176/55.

Những nhân-chứng này đã tuyên-
thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGO KHÁNH NGỌC (mũ)
sinh ngày 22.9.1954 tại Hà Nội (Bắc Việt) con của
Ngô Văn Đạm và Nguyễn Thị Tâm (không giá thú).

Và duyên-cớ mà cha nó
không thể xin sao-lục khai sinh
được là vì : sự khó khăn giao thiệp bằng bưu chính
với nơi sinh quán của nó.

Các nhân-chứng đã xác-nhận như
trên đây nên tôi phát giấy thế-vì khai sinh này
cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo
điều năm của Nghị-định ngày 13 tháng ba năm
một ngàn chín trăm ba mươi sáu,

Và các nhân - chứng có ký tên với
chúng tôi và viên Lục-sự, sau khi đọc lại.

Ký tên : Không rõ

Đóng: bách phần tại phòng ba

Saigon,

Ngày 8.7.1955 Q.93, T.4 số 15

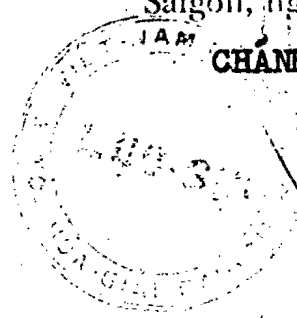
Thậu: Sáu chục đồng (60\$).

Ký tên: HUYNH VAN DIEP

Lục sao y.

Saigon, ngày 25 tháng 10 năm 1965

CHANH LUC-SU.



HUI-QUANG-NAM

Giá tiền :

Con niêm 30\$00

Bồng lộc. 7,50

Biên lai.. .. 0,50

Cộng 38\$00

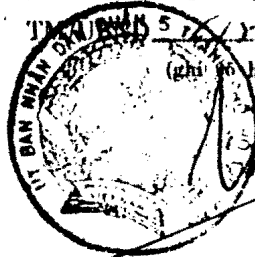
Mẫu HT 2 - P3

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

Quyển số 01

[illegible]

(ghi rõ họ, tên chức vụ)



TRẦN HẠNH

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP HUẾ

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN NINH-HOÀ

TÒA SƠ-THẨM NHATRANG

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN NINH-HOÀ

Việc số 8669 /TP/NH/60

Ngày 24-02-1961

BIÊN BẢN THỂ VÌ : GIẢ THỬ

của HUYNH-HỮU BAN và NGUYỄN-THỊ-HỒN

Năm một nghìn chín trăm sáu mươi một ngày hai mươi tháng hai
hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi **TRAN-NGOC-NGHI**

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa Hòa-giải Quận Ninh-Hoà ngồi tại Văn-phòng,

có Ông **Phạm-Sa**, Thù-ký kiêm Lục-sự giúp việc,

có Ông **Huynh-hữu-Ban**, 40 tuổi, nghề-nghiệp **quân-nhân**

chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**

thẻ kiểm-tra căn-cước số **NI704/ 21A15318**, cấp tại **Cholon (Nam-Việt)**

ngày **23-7-1955** ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**

đến trình-diện rằng hiện nay y không thể xin sao lục **giấy thú** của y được

vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ bộ đã bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Nên yêu-cầu bản Tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu
đến, đề lập cho y biên-bản thay thế chứng-thư hộ-tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện :

1) **Nguyễn-thọ-Tổ**, 48 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh-quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340100/A0000006** cấp tại **Ninh-Hoà** ngày **30-8-1955**
ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

2) **Trần-Bang**, 43 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340100/18A000222** cấp tại **Ninh-Hoà** ngày **25-8-1955**
ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

3) **Lê-văn-Ứng**, 51 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340019/10A0004** cấp tại **Cholon** ngày **30-4-1956**
ngụ tại **thôn Vĩnh-Phú, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

Miên lệ phi
lệnh-định ngày
17-11-1947)

Ba nhân chứng nói trên, sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hình-luật phạt tội ngụy chứng về việc hộ (từ 3 tháng đến 1 năm tù hay phạt bạc từ 30\$ đến 120\$) đã tuyên-thệ và chứng thật có biết rằng :

Huỳnh-hữu-Ban, sinh ngày 4 tháng 2 năm 1921, tại thôn Thạnh-Hoà, quận An-Nhơn, tỉnh Bình-Định, con 6. Huỳnh-Nhơn (o) và bà Nguyễn-thị-Tĩnh (o), đã kết-hôn làm vợ chồng thật với bà Nguyễn-thị-Hồn, sinh ngày 29 tháng 1 năm 1929, tại thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà, con 6. Nguyễn-hữu-Hồ (o) và bà Nguyễn-thị-Dầu.

Cưới ngày Bốn tháng Chín năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (4-9-1944) tại thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà.

Và duyên-cớ mà đương-sự không thể xin sao lục chứng-thư hộ-lich được là vì bản chánh đã bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu-hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Bởi vậy Bản Tòa, chiếu theo sự kiện trên và các điều 47, 48 Hoàng-Việt Hình-luật lập biên bản thế vì **giả thú** cho tên **Huỳnh-hữu-Ban và Nguyễn-thị-Hồn**

để tùy nghi tiện dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nạp tại bản Tòa ngày 24-02-1961

Sau khi đọc lại, đương-sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chứng tội và Lục-sự.

Làm tại Ninh-Hòa ngày, tháng, năm như trên.

Thư-ký kiêm Lục-Sự,

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán,

Phạm-Sa

TRAN-NGOC-NGHI

Nhân chứng,
Nguyễn-tho-Tô
Trần-Bang
Lê-văn-Ưng

Đương-sự,
Huỳnh-hữu-Ban
Nguyễn-thị-Hồn

SAO XEAN CHINH

Ninh-Hoà, ngày 8 tháng 3 năm 1961

K.T. Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán

PHAM-SA

Duyệt tem và trước-bạ tại Nha Trang
ngày 4 tháng 3 năm 1961

Quận-trưởng kiêm Thẩm-Phán

Thư : Miễn thuế

CHỦ-SỰ
ký tên : **TA-HUYENH**
(và đóng dấu)

143

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập — Dân chủ — Hòa bình — Thống nhất

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 9 của Bản tuyên bố của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng;
- Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính ngụy và nhân viên trong bộ máy chính quyền của Mỹ ngụy;
- Theo đề nghị của Ban phụ trách Trại quân huấn 15-NV

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Quân chế HUỲNH HỮU TRUNG tuổi 1952
Quốc tịch Khánh Hoà
Trú quán 1067 Trần hưng Đạo Sài Gòn 5
Dân tộc Kinh
Trong thời hạn 12 tháng Tại 1067 Trần hưng Đạo Sài Gòn 5
(kể từ 25-1/1976)

Điều 2. — Khi về, đương sự phải trình quyết định này với Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính nơi mình cư trú và cơ quan nơi mình làm việc và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương.

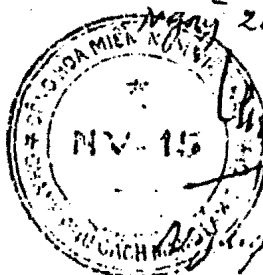
Điều 3. — Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính xã, không nơi đương sự thi hành quyết định này theo luật lệ hiện hành. cư trú

Tỉnh, thành phố HỒ C. MINH ngày 20 tháng I năm 1976

T/M ỦY BAN QUÂN QUẢN

KT-Chủ tịch

Phó Chủ tịch



Chứng từ
48/4 Nguyễn Bửu
Cm 5

ngày 26/1/76

Nguyễn Văn...

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Văn Bằng Tốt Nghiệp

TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

BAN ĐỐC SỰ

Tổng Ủy Trường Công Vụ

Chiếu Nghị-Định số 2425-NĐ/HVHC ngày 21 tháng 12 năm 1966 và các văn-kiện kế tiếp tổ chức và điều-hành Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh.

Chiếu Sắc-Lệnh số 583 TT/SL ngày 23-6-1973 cải danh Học-Viện QGHC thành Trường QGHC và đặt trực thuộc Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ.

Chiếu Nghị-Định số 016 NĐ/TUCV/QGHC ngày 12-9-1973 ấn-định quy-chế Ban Đốc Sự.

Chiếu Biên-bản của Hội-Đồng Giám-Khảo Kỳ Thi Tốt Nghiệp ngày

23-12-1974

Chiếu đề-nghị của Viện-Trưởng Trường Quốc-Gia Hành-Chánh.

Cấp cho

sinh ngày 11-6-1952

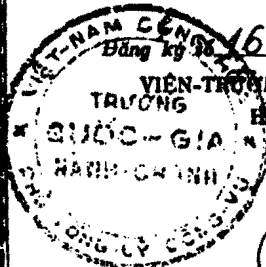
tại

Khánh-Hoà

đã trúng tuyển kỳ thi Tốt Nghiệp

Trường Quốc-Gia Hành-Chánh khóa 19 Ban Đốc-Sự.

Văn Bằng Tốt Nghiệp này đề chấp-chiếu và tiện-dụng.



Đã ký 1614 ngày 30-12-1974

VIỆN-TRƯỞNG TRƯỜNG QUỐC-GIA
HÀNH-CHÁNH

NGƯỜI LÃNH BẰNG

[Signature]

GS. NGUYỄN QUANG TRI



Saigon ngày 22 tháng 01 năm 1975

TỔNG ỦY-TRƯỞNG CÔNG-VỤ

ĐẠI TÁ G. ÁCH-HUỖN PHA



* HUỖNH HỮU TRUNG

* 11. 6. 1952



* NGÔ KHÁNH NGỌC

22 . 9 . 1954



HUỖNH HỮU
NGỌC QUỲNH

26.4.1983



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020783455**

Họ tên **HUỲNH HỮU TRUNG**



Sinh ngày **11-6-1952**

Nguyên quán **An Nhơn,**

Nghĩa Bình.

Nơi thường trú **48/4 Kháng-**
Chiến, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DAU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong 1,5cm ở 1cm
trên, sau đầu mày
phải.

Ngày 20 tháng 3 năm 1979

LÀNG GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG TƯỜNG PHÒNG CS 1

M. C. C. C.
Mai Văn Cẩn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020743721**

Họ tên: **NGÔ KHÁNH NGỌC**



Sinh ngày: **22-09-1954**

Nguyên quán: **Mai Bình,**

Hà Sơn Bình.

Nơi thường trú: **86 Phan Văn-**

Trí, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGON TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách
2,2cm trên trước cánh
mũi phải.

05 tháng 03 năm 1979.



NGON TRỎ PHẢI



TRUNG TÂM CÔNG AN Q. BÌNH THẠNH

[Signature]
Nguyễn Ngọc Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020251257**

Họ tên **NGUYỄN THỊ HỖN**



Sinh ngày **29-01-1929**

Nguyên quán **Mỹ Hiệp,**

Phước Khánh.

Nơi thường trú **48/4 Kháng-**
Chiến, TP. Hồ Chí Minh.

Số **2184/SN**

N CHÁNH

Xuất

Ngày **30** tháng **7** năm **1980**

TM. UBND Phường 1/Q.5

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Chân

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm c, lom dưới
sau cánh mũi phải.

Nơi 21 tháng 8 năm 1978



TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHẠM ĐỐC

Trần duy Thạc

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Chiếu-nhận.
Visas

Chiếu-nhận

VISA ^{Visas} DIPLOMATIQUE

11382/73

CONSULAT GÉNÉRAL
de la République du Viet-Nam
— Paris —

VISA DE RETOUR

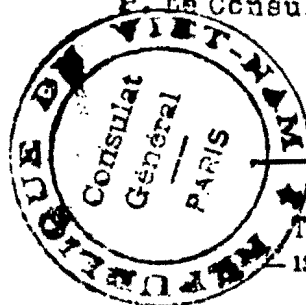
Répondant MR. Huynh L. Huynh BAC

Don pour retour au
Viet-Nam

Valable jusqu'au 10 Février 1973

(Paris, le 30 JAN. 1973)

P. Le Consul Général



Tran Thanh Quan
— 13 — Consul

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THÔNG-HÀNH NGOẠI-GIAO

Tổng-Trưởng Ngoại-Giao
Le Ministre des Affaires Etrangères
The Minister of Foreign Affairs

yêu cầu các Văn và Võ Quan có phận-sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thổ
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir
requires all civil and military authorities in charge of maintaining

Việt-Nam và nhà chức-trách được ủy-thác nhiệm-vụ tương-tợ trong các
l'ordre au Việt-Nam et prie les autorités investies de la même
order in Việt-Nam and requests the authorities invested of the same

nước Đồng-Minh và Thân-Hữu để *Dai Lai*
mission dans les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer Colonel
duty in Allied or Friend countries to let pass freely *Colonel*

HUỲNH-HỮU-BAN

được tự-do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo-vệ dương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin.
and to afford assistance and protection to the above named person in case of need.

Saigon { ngày
le January 17, 1973
on



Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
R. D. Ministre des Affaires Etrangères.
The Minister of Foreign Affairs.
THE SECRETARY GENERAL

Dương Hoàng Thành
DUY-NG-HOÀNG-THÀNH

Tái-đăng lần thứ I

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ II

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ III

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ IV

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ V

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

Thẻ số :

THẺ KHĂM BỆNH GIÁ-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Tên họ quân-nhân HUYNH-HUU-BAN

Số quân _____ cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TÔNG-THAM-MUON-PO

Tình-trạng gia-đình :

Có vợ 09 con.

MẤU

25.05.66

QĐ-827

G.66-11ALAP.O.1-979

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA .
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐƠN-VỊ : CNC/VP. TÔNG-THAM-MƯU-PHỐ

THẺ KHÁM BỆNH GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Danh-sách gia-đình :

Tên họ Vợ <u>Ng-Thị-HON</u>	ngày năm sinh <u>1929</u>
Con <u>Hà-Thị-MY-HUONG</u>	ngày năm sinh <u>1948</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-NGA</u>	ngày năm sinh <u>1951</u>
<u>Huỳnh-Hà-TRUNG</u>	ngày năm sinh <u>1952</u>
<u>Huỳnh-Hà-CHI</u>	ngày năm sinh <u>1954</u>
<u>Huỳnh-Hà-KIM</u>	ngày năm sinh <u>1956</u>
<u>Huỳnh-Hà-QUANG</u>	ngày năm sinh <u>1960</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-TRINH</u>	ngày năm sinh <u>1963</u>
<u>Huỳnh-Hà-KHOA</u>	ngày năm sinh <u>1965</u>
<u>Huỳnh-Hà-ĐANG</u>	ngày năm sinh <u>1968</u>
<u>Huỳnh-Hà-BINH</u>	ngày năm sinh <u>1</u>

Cư-ngụ tại 1067 Trần-Hùng-Dạo Saigon

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969

Y-Sĩ Trưởng

NGUYỄN HUYỀN BAY

Tên họ quân-nhân HUYNH-HỮU-BAN

Số quân 41/100.701 cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TÔNG-THAM-MƯU-PHỐ

Ngày mãn giao-kèo (I)

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969

Đại-Tá HUYNH-HỮU-BAN
Cục-Trưởng Cục Nghiên-Cứu

NGUYỄN THỊ HỒNG
48/4 NGUYỄN ĐÌNH Q.5
T.P HCM VIETNAM

R REGISTERED MAIL

R 524 984 746

Mrs KHUC MINH THO
Families of Vietnamese political prisoners association
P.O BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635



WP. 0136

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER
REGISTRATION FORM
(Two Copies)

I-171: ___ Yes, ___ No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI HON
Last Middle First

Current Address 48/4 Nguyen-Bieu-Quang - Hochiminh CityDate of Birth 01-29-1929 Place of Birth Khanh Hoa

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

HUYNH HUU BAN (1921)Previous Occupation (before 1975) Colonel (Retire 1974)
(Rank & Position)TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6-75 To DEATH DATE: 5-77

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & TelephoneRelationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

MAY 09 1989

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

LIST OF WIDOWS OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONERS WHO DIES WHILE BEING

DETAINED IN THE CAMPS IN VIETNAM

No.	NAME & ADDRESS IN VIETNAM	DATE OF BIRTH	OCCUPATION	DATE OF ARRESTED	DATE OF DECEASED	IV NO.	VEWL	I-171	SPONSOR'S NAME & ADDRESS	REMARKS
73/WP-136	NGUYEN THI HON 48/4 Nguyen Bieu, Quan 5 HOCHIMINH CITY, VIETNAM	1/29/29								Needs IV x LOI x
	DECEASED'S NAME:									Compl.
	HUYNH HUU BAN	2/4/21	Colonel	6/15/75	05/17/77					
74/WP-137	BUI THI HUYNH 148/25 Nguyen Lam, P.4 Q. Binh Thanh, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	1942				81600	24925			Needs IV x LOI x
	DECEASED'S NAME:									Compl.
	TRAN NGOC PHUC	1934	Captain	6/28/75	12/02/81					
75/WP-138	NGUYEN THI XUAN LAN 202 Cach Mang Thang 8 (Cua Sau), P.19, Q.3 HOCHIMINH CITY, VIETNAM	5/21/48								Needs IV x LOI x
	DECEASED'S NAME:									Compl.
	LAM QUANG VINH	8/7/38	Captain	6/15/75	2/6/78					
76/WP-139	NGUYEN THI LE THUY 322/3 Bis Cach Mang Thang 8, Quan 3, HOCHIMINH CITY VIETNAM	3/30/37								Needs IV x LOI x
	DECEASED'S NAME:									Compl.
	TRUONG DUNG KHA	12/16/35	Commissioner	8/13/75	7/13/84					
77/WP-140	LY THI CUC 448/7 Nguyen Tat Thanh P. 17, Quan 4, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	11/7/38								Needs IV x LOI x
	DECEASED'S NAME:		Lt.							Compl.
	DANG BA KIEM	1931	Colonel							

Ghi chú:

- Học tập cải tạo từ 6/15/75 - 5/17/1977
- Chết trong trại cải tạo 5/17/1977
- Có giấy báo tử
- Căn giấy tờ-hộ tịch, đổi bỏ tử 4/5/89
Dung

BỘ QUỐC PHÒNG
ĐOÀN 776

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /CS

Ngày 24 tháng 5 năm 1978

GIẤY BẢO TỬ

Kính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN Quận 5, Sài Gòn
.....Thành phố Hồ Chí Minh.....

- ĐOÀN 776 xin trân trọng báo để quý ban rõ :
- Anh : *Huỳnh Hữu Ban*... Sinh : *1921*... tuổi .
 - Là : *Đại úy*... *Trưởng phòng 5*... *Nguy*.....
 - Sinh quán tại : *Thanh An*, *Tây Phước*, *Bình Định*.....
 - Trú quán tại : *1067A*, *Trần Hưng Đạo*, *Sài Gòn 5*.....
.....*Thành phố Hồ Chí Minh*.....
 - Đi tập trung học tập cải tạo ngày *15* tháng *6* năm *1975* ..
 - Đã chết ngày *17* tháng *5* năm *1977* ..
 - Vì : *Ưng Thuê*... *phản*... *không chịu*... *chưa*... *điều*.....
 - Địa điểm mai táng tại : *Đồi cây Khế*, *Xã Việt Long*.....
.....*Huyện Trảng Bàng*, *Tỉnh Hoàng Liên Sơn*.....
 - Đơn vị phụ trách đã tổ chức mai táng cho anh *Huỳnh Hữu Ban*.....
.....theo *Công*... *chính sách*... *nhận*... *đạo*... *của*... *Đảng*...
.....và *nhề*... *nước*... *cách*... *mạng*... *có*... *hạ*... *ghi*... *dấu*... *mộ*... *phần*... *có*... *hồ*... *sơ*... *tử*...
.....*vong*... *và*... *sơ*... *đo*... *địa*... *điểm*... *mai*... *táng*... *hiện*... *khu*... *trú*... *tại*... *đơn*... *vị*... ..

ĐỀ NGHỊ QUÝ BAN

- 1/ Báo cho thân nhân anh : *Huỳnh Hữu Ban*.....
Là : *Võ*... *Nguyễn Thu*... *Hải*.....
Hiện ở : *1067A*, *Trần Hưng Đạo*, *Sài Gòn 5*.....
.....*Thành phố Hồ Chí Minh*..... biết.
- 2/ Trong quá trình học tập cải tạo anh *Huỳnh Hữu Ban*.....
đã có nhiều tiện bộ , đủ tiêu chuẩn để khôi phục uyên công
đan , đề nghị Ủy ban xét để gia đình anh *Huỳnh Hữu Ban*.....
.....được ghi nhận vào hồ sơ hộ tịch ..

T/L THU TRƯỞNG ĐOÀN 776



Chiều Lít
Đàm Văn Khoa

Ghi chú : Giấy báo này có hai bản , một bản thông báo về Ủy
Ban *T*... *phương* , một bản giao về gia đình thân nhân anh
.....*Huỳnh Hữu Ban*..... để khi có thông báo được phép đi
thăm mộ chỉ thì dùng giấy này là phương tiện giao dịch .. /.

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TỔNG-THAM-MU

PHÒNG TỔNG QUẢN-TRỊ

Số: C.01/TM/TQT/HSCN/HS.

ĐẠI-TƯỚNG TỔNG THAM-MU-TRƯỞNG/QLVNCH.

CHỨNG NHẬN

HUYNH - HUU - BAN Cấp bậc Đại-Tá/TB Số quân 41A/100.701
Sanh ngày 04.02.1921 tại Thanh-Hoà - An-Nhon - Tỉnh Bình-Định
Con Ông HUYNH - NHON (X.C) và Bà NGUYỄN - THI - TINH (X.C)
Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01 tháng 02 năm 1.954
Được giải-ngũ ngày 31 tháng 03 năm 1.974
Do ~~ĐƠN~~ ĐƠN số: 1078/QP/ND ngày 15 tháng 12 năm 1.973
Của: (Cơ-quan, Đơn-vị) Bộ Quốc-Phòng
Thấm niên quân-vụ: 20 năm 02 tháng 00 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ: Đáo hạn tuổi

Địa-chỉ khai về cư-ngụ: Số 48/4 Đường Nguyễn-Biểu - Chợ-Lớn



Chữ ký đường-sứ



KBC 802

ngày 29 Th.B A 1974

T.Đ. Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tham-Mu Trưởng QL VNCH
Tham-Mu Trưởng Bộ TM
Tham-Mu Phó Bộ TM
Tham-Mu Phó Bộ TM



(44) QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CHAU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV _____

Date :
Ngày : _____

A/ BASIC IDENTIFICATION DATA/ LÝ LỊCH CĂN BẢN :

1. Name : NGUYỄN THỊ HÓN Sex : Nữ
Họ tên :
2. Other name :
Họ tên khác :
3. Date, place of birth : 29.01.1929 Khánh Hòa Province Vietnam
Ngày, nơi sinh :
4. Residence address : 48/4 Nguyễn Biểu Q.5 - TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú :
5. Mailing address : 48/4 Nguyễn Biểu Q.5 - TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thư từ :
6. Current occupation :
Nghề nghiệp hiện tại : Nội trợ

B/ RELATIVE TO ACCOMPANY ME/ BÀ CON CÙNG ĐI VỚI TÔI :

TT :	Name :	Date of birth:	place of birth:	Sex:	MS:	Relationship
:	Họ Tên :	N/T/ Năm sinh	Nơi sinh :	:	:	:
01 :	Huỳnh Thị Mỹ Hương	14.01.1948	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
02 :	Huỳnh Thị Mỹ Nga	15/02.1951	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
03 :	Huỳnh Hữu Chí	11.4.1954	Khánh Hòa	M	S	Son /son
04 :	Huỳnh Hữu Kim	27.02.1956	Khánh Hòa	M	S	Son /son
05 :	Huỳnh Hữu Quang	10.05.1960	Khánh Hòa	M	S	Son /son
06 :	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	22.3.1963	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
07 :	Huỳnh Hữu Khoa	25/06.1965	Saigon	M	S	Son /son
08 :	Huỳnh Hữu Đăng	18/03.1968	Saigon	M	S	Son /son

C/ RELATIVE OUTSIDE VIETNAM/ HỌ HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI : No/ Không có

D/ COMPLETE FAMILY LISTING/ DANH SÁCH TOÀN THỂ GIA ĐÌNH :

1. Father : Nguyễn Hữu Hò (Dead/chết)
Cha :
2. Mother : Nguyễn Thị Đậu (Dead/chết)
Mẹ :
3. Spouse : Huỳnh Hữu Ban; 1921, Colonel RVNAF, Serial number 41/100.701 dead in Reeducation camp HoanglienSon in 1977.
Chồng :
4. Former spouse : Không có
Chồng trước :
5. Children :
(1) Huỳnh Thị Mỹ Hương 1948 (Living/Sống)
(2) Huỳnh Thị Mỹ Nga 1951 (Living/Sống)
(3) Huỳnh Hữu Trung 1952 (Living/Sống)
(4) Huỳnh Hữu Chí 1954 (Living/Sống)
(5) Huỳnh Hữu Kim 1956 (Living/Sống)
(6) Huỳnh Hữu Quang 1960 (Living/Sống)
(7) Huỳnh Thị Mỹ Trinh 1963 (Living/Sống)
(8) Huỳnh Hữu Khoa 1965 (Living/Sống)
(9) Huỳnh Hữu Đăng 1968 (Living/Sống)
(10) Ngõ Khánh Ngọc - daughter inlaw - 1954 (Living/Sống)
(11) Huỳnh Hữu Ngọc Quỳnh - grand daughter - 1983 (Living/Sống)

6. Siblings

Anh chị em : (1) Nguyễn Mạo (Dead/Chết)

F/ EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE : No / Không có

F/ SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/ BẠN HAY CHỒNG BẠN ĐÃ CÔNG VỤ VỚI CHÍNH PHỦ VN :

1. Name of person serving
Họ tên người tham gia : HUYNH HỮU BẠN
2. Date
Ngày tháng năm : From : 1953 To : 1973
3. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng : Colonel RVNAF , Đại tá, Serial number 41/100.301 Trưởng phòng 5 /BỘ TTM
4. Military unit
Đơn vị : Bộ Tổng tham mưu phòng 5 KBG 4002/ 5
5. Name of supervisor / C.O : LT General Nguyễn Văn Mạnh
Họ tên sĩ quan chỉ huy : Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu
6. Reason for separation : Reaching retire age
Lý do nghỉ việc : Hưu trí
7. Name of American Adviser : Unknown
Tên cố vấn Mỹ : Không biết
8. US training courses in Vietnam : Unknown
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN : Không biết
9. US award or certificates : Bronzes star

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE : No

BẠN HOẶC CHỒNG BẠN ĐÃ ĐƯỢC HUẤN LUYỆN Ở NGOÀI QUỐC : Không có

E/ REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / BẠN HOẶC CHỒNG BẠN ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO :

1. Name of person in reeducation
Họ tên người học tập cải tạo : HUYNH HỮU BẠN
2. Time in reeducation : From 15.6.1975 To dead in Reeducation camp Hoàng Liên Sơn in 1977
Thời gian học tập : Từ 15/6/1975 đến chết vào năm 1977 ở trại cải tạo Hoàng Liên Sơn (AH - 2NT)
- 3/ Still in reeducation? No
Vẫn còn học tập cải tạo ? Không

I/ ANY ADDITIONAL REMARK / CHÚC CHỮ PHỤ THUỘC :

Gia đình tôi xin được định cư tại Hoa Kỳ

- Chồng tôi là Huỳnh Hữu Bạo, Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, thành viên của phái toàn quân sự Hoa đàm Paris năm 1973, Trưởng phòng 5 Bộ Tổng Tham mưu - Tiến sĩ công pháp - đã chết trong trại cải tạo AH - 2NT Hoàng Liên Sơn vào năm 1977 (Giấy Báo tử của Đoàn 776 ghi nhầm chử vạ Đại tá)

- Con tôi là Huỳnh Hữu Chí, sinh năm 1954, Thiếu úy CLVNGH, Trung đội trưởng - Tiểu đoàn 3 - Sư đoàn nhảy dù, tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc gia Đà Lạt khóa 29, học tập cải tạo từ ngày 28.6.1975 đến 06.9.1980 tại trại cải tạo 2 - 300 Năm tân và bị giam vào trại vượt biên từ ngày 30.3.1987 (đã kết án 18 tháng tù tại tỉnh Hậu Giang)

- Con tôi là Huỳnh Hữu Trung, - có gia đình, vợ là Ngô Khánh Ngọc - sinh năm 1952, phó đốc sự hạng 3 . phó quận trưởng Quận Phú Lộc Tỉnh Thừa Thiên, tốt nghiệp trường quốc gia hành chính khóa Cao sự lý học tập cải tạo trại 15 - NV từ 15.6.1975 đến 20.01.1976

- Đã gửi 01 hồ sơ đến : Mr. Director of the ODP office
127 Bantabhum Building soath
Sathorn road Bangkok 10120
Thailand

và 01 hồ sơ đến : Migration and refugee
service 1312 Mass Avenue N. W
Washington D.C 20.30 - 202/659 -
6625 Attimes
U.S.A

vào đầu tháng 8 năm 1988

Date
ngày August, 8th 1988

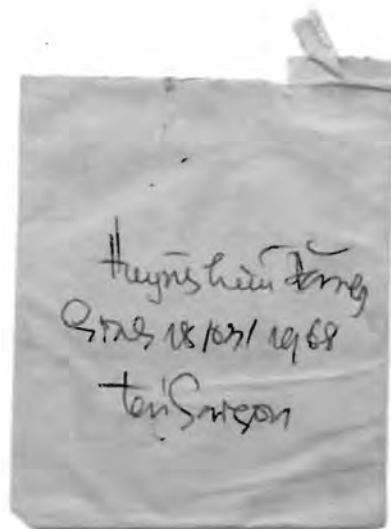
Signature,
ký tên

Hồ sơ đính kèm

- Giấy báo tử
- Giấy thông hành đi pháp
- Thẻ nhận kinh gia đình quân nhân
- Giấy ra trại của Huỳnh Hữu Trí (con)
- Hình
- Chứng chỉ giải ngũ



Nguyễn Thị Hón



E 7030
Huy Thien
mang
sinh 14/01/1948
Khánh Hòa
VIET NAM

Huy Thien
sinh 21/12/1950
tại Khánh Hòa

HUY THIEN
CHU.

Sinh 11/4/1954
tại Khánh Hòa
VIET NAM.

Huy Thien
sinh 18/05/1968
tại Saigon

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THÔNG-HÀNH NGOẠI-GIAO

Tổng-Trưởng Ngoại-Giao
Le Ministre des Affaires Etrangères
The Minister of Foreign Affairs

1-2- yêu cầu các Văn và Võ Quan có phận-sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thổ
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir
requires all civil and military authorities in charge of maintaining

Việt-Nam và nhà chức-trách được ủy-thác nhiệm-vụ tương-tợ trong các
l'ordre au Việt-Nam et prie les autorités investies de la même
order in Việt-Nam and requests the authorities invested of the same

nước Đồng-Minh và Thân-Hữu để *Dại Tài*
mission dans les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer Colonel
duty in Allied or Friend countries to let pass freely *Colonel*

HUỲNH-HỮU-BAN

được tự-do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo-vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin.
and to afford assistance and protection to the above named person in case of need.

1-3- Saigon ngày 17 tháng 1 năm 1973
le January 17, 1973
on



Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Etrangères.
The Minister of Foreign Affairs.
THE SECRETARY GENERAL

Đương Hoàng Thành
DUYNG-HOANG-THANH

Chiếu-nhận

Visas

Chiếu-nhận

VISA ^{Entrée} Visas

382/73

CONSULAT GÉNÉRAL

de la République de Viet-Nam

— Paris —

ROYAUME DE BELGIQUE

Signature: M. Huynh L. HUU BAN.

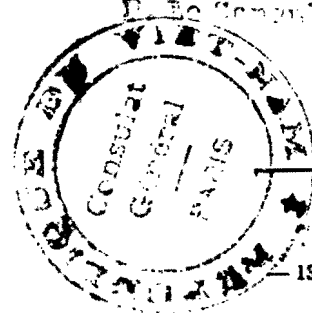
Don pour retour de

Viet-Nam

VALIDE jusqu'au 10 Février 1973

(Paris, le) 30 JAN 1973

R. Bo Somoni Général



TRẦN THANH QUÂN

— 13 — Consul

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA .
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐƠN-VỊ : CNC/VP. TỔNG-THAM-MƯU-PHÓ

THẺ KHÁM BỆNH GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Danh-sách gia-đình :

Tên họ Vợ <u>Ng-Thị-HON</u>	ngày năm sinh	<u>1929</u>
Con <u>Hà-Thị-MY-HƯƠNG</u>	ngày năm sinh	<u>1948</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-NGA</u>	ngày năm sinh	<u>1951</u>
<u>Huỳnh-Hữu-TRUNG</u>	ngày năm sinh	<u>1952</u>
<u>Huỳnh-Hữu-CHÍ</u>	ngày năm sinh	<u>1954</u>
<u>Huỳnh-Hữu-KIM</u>	ngày năm sinh	<u>1956</u>
<u>Huỳnh-Hữu-QUANG</u>	ngày năm sinh	<u>1960</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-TRINH</u>	ngày năm sinh	<u>1963</u>
<u>Huỳnh-Hữu-KHOA</u>	ngày năm sinh	<u>1965</u>
<u>Huỳnh-Hữu-ĐANG</u>	ngày năm sinh	<u>1968</u>
	ngày năm sinh	

Cư-ngụ tại 1068 Trần-Hưng-Đạo Saigon

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969

Tên họ quân-nhân HUỲNH-HỮU-BAN

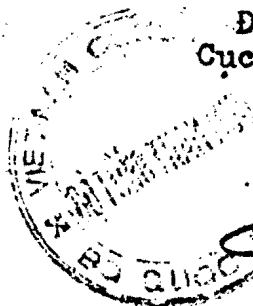
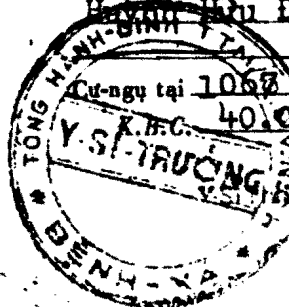
Số quân 41/100.701 cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TỔNG-THAM-MƯU-PHÓ

Ngày mãn giao-kéo (I)

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969

Đại-Tá HUỲNH-HỮU-BAN
Cục-Trưởng Cục Nghiên-Cứu



Tái-đăng lần thứ I

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

đến _____

Tái-đăng lần thứ II

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

đến _____

Tái-đăng lần thứ III

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

đến _____

Tái-đăng lần thứ IV

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

đến _____

Tái-đăng lần thứ V

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG
ký tên đóng dấu

đến _____

Thẻ số :

THẺ KHÁM BỆNH GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Tên họ quân-nhân HUYỀN-HỮU-BÀN

Số quân _____ cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TỔNG-THAM-MƯU-PHÓ

Tình-trạng gia-đình :

Có vợ 09 con.

PHÒNG NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
/GRT

Độc lập - tự do - hạnh phúc
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

08/07/90
X. G. I. A. Y. R. A. I

Theo thông tư số 906-BCA/TTP ngày 31-5-1961 của bộ nội vụ.
Thi hành quyết định thành lập 114-116 ngày 15-8-1980 của
bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau:

Họ, tên khai sinh : HUYNH HUU CHI
Họ, tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh ngày 11 tháng 4 năm 1954
Sinh quán : Khánh hòa
Trú quán : 48/4 Khánh chiến, quận 5, Thành phố Hồ chí Minh.
Can tội : Thiếu úy trung đội trưởng.
Bị bắt ngày: 26-6-1975
Án phạt : Tập trung cải tạo.
Nay về cư trú tại: (Không được cư trú trong thành phố, còn đặc nới

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI NGUYỄN HUỆ
ĐÃ TRÌNH DIỆN: ngày 27 tháng 3 năm 1980
Quản chế:

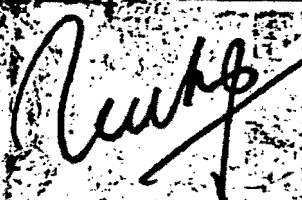
8105

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : Luôn tỏ ra yên tâm học tập cải tạo, tin tưởng vào chính sách khoan hồng của cách mạng, chưa có biểu hiện gì xấu.
Đạo đức : Đảm bảo ngày công, luôn hoàn thành công việc được giao có chất lượng.
Nội quy : Không sai phạm gì lớn.
Học tập : Tham gia đầy đủ phần thức.
Quản chế : / / tháng.

Đã tay ngón trái . . . tên họ ký . . . / / ngày 6 tháng 9 năm 1980


Huynh Huu Chi


Thiếu tá: PHAN HUU

Huỳnh Hữu Ban
Sinh ngày 04/2/1921
tại Bình Định
Đại tá trưởng phòng 5
Bị tổng tham mưu
QLVNCT.



• HUYNOT HEN BOW.

SINCE 4. 2. 1921.

In Nhon - Bant Bird.

And Tal Pottoby Shing 5.

BATMAN & CURVE.

Sài gòn, ngày 8 tháng 8 năm 1988.

Kính gửi: Bà Như Minh Cho

Chúa Bà,

Có lẽ, quả phũ của một gia đình quốc gia nghĩa tử đang sinh sống tại quê nhà, được biết Bà luôn đứng về phía chúng tôi - những người, đã có người thân bị giam cầm trong các trại tập trung cải tạo sau ngày 30/4/75 cho đến chết.

Chúng tôi - Đại tá Huỳnh Hữu Đan - Trưởng Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, bị đi học tập cải tạo và chết tại Yên Bái (Huyện Trấn Yên Tỉnh Hoàng Liên Sơn) năm 1977. (Giấy Báo tử giả nhằm là Đại Úy).

Các con tôi:

* - Huỳnh Trung - sinh năm 1952, tốt nghiệp khóa 19 Đốc Sĩ Quốc Gia Hành Chánh - Phó quân Philhóc Tỉnh Thừa Thiên, học tập từ tháng 6/75 đến tháng 01/76.

* - Huỳnh Chi - sinh năm 1954, tốt nghiệp khóa 29 Trường Võ Bị Đà Lạt, Thiên Uy dự, học tập cải tạo từ tháng 6/75 đến tháng 9/80, bị bắt về tôi vượt biên từ tháng 3/87 - kết án 18 tháng, hiện tại đang bị giam tại Hầm Giàng (Cần Thơ).

Chúa Bà

Chúng tôi đã nằm xuống trong ngục tù CS vì lý tưởng tự do. Vì thế các con tôi không thể phục vụ cho một, mồm có sắc áo, nào khác. Vì tương lai, vì ngày mai của một gia đình tử sĩ, đã nhằm chịu những nỗi thống khổ, nhục nhằn suốt 13 năm dài, xin nhờ Bà can thiệp với Chính Phủ Huê Kỳ, cho gia đình chúng tôi, được định cư tại Huê Kỳ - một Quốc Gia đã đứng cùng giới tuyến với chúng tôi để bảo vệ tự do.

Kim gửi đến Bà lòng biết ơn của một gia đình
Tứ sĩ đang ở tại quê hương.

Kính chào Bà

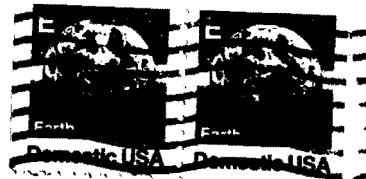
Kim

Bà Huỳnh Huỳnh Bân
(nhân danh Nguyễn Thị Hoàn)

48/4 Kháng Chiến (Ngã Biên cũ)
Phường 1 Quận 5 TP/HCM.

(Việt Nam)

Tân-dinh - Văn,



To: Mrs Khúc - minh - Thò

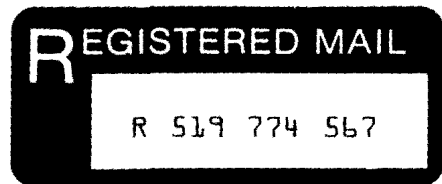
P.O. Box 5435

Arlington VA 22205-0635

4

FROM: Nguyễn Thị Hân
48/4 Nguyễn Bỉnh Khiêm Q.5.T.P.H.C.M.
Viet NAM

W.P.O. 136 -

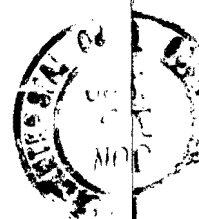
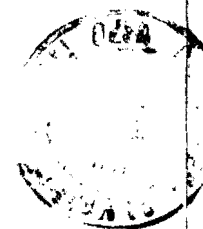


JUN 21 1989

To: Ms THO-MINH-KHUC.

Families of Vietnamese political prisoners association.

P.O. Box 5435. Arlington. VA 22205-0635



Tái-đăng lần thứ I

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ký tên đóng dấu

Thẻ số : _____

Tái-đăng lần thứ II

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ III

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ IV

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ký tên đóng dấu

Tái-đăng lần thứ V

KBC _____ ngày _____

từ ngày _____

đến _____

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ký tên đóng dấu

THẺ KHÁM BỆNH GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Tên họ quân-nhân HUYNH-HUU-BAN

Số quân _____ cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TÔNG-THAM-MUON-PHO

Tình-trạng gia-đình :

Có vợ 09 con.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUẢN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐƠN-VỊ : CNC/VP. TÔNG-THAM-MƯỜU-PHỐ

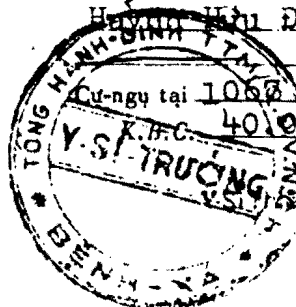
THẺ KHÁM BỆNH GIA-ĐÌNH QUÂN-NHÂN

Danh-sách gia-đình :

Tên họ Vợ <u>Ng-Thị-HON</u>	ngày năm sinh	<u>1929</u>
Con <u>Hình-Thị-MY-HƯƠNG</u>	ngày năm sinh	<u>1948</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-NGA</u>	ngày năm sinh	<u>1951</u>
<u>Huỳnh-Hữu-TRUNG</u>	ngày năm sinh	<u>1952</u>
<u>Huỳnh-Hữu-CHI</u>	ngày năm sinh	<u>1954</u>
<u>Huỳnh-Hữu-KIM</u>	ngày năm sinh	<u>1956</u>
<u>Huỳnh-Hữu-QUANG</u>	ngày năm sinh	<u>1960</u>
<u>Huỳnh-Thị-MY-TRINH</u>	ngày năm sinh	<u>1963</u>
<u>Huỳnh-Hữu-KHOA</u>	ngày năm sinh	<u>1965</u>
<u>Huỳnh-Hữu-ĐĂNG</u>	ngày năm sinh	<u>1968</u>
	ngày năm sinh	

Cư-ngụ tại 106 Trần-Hưng-Dao Saigon

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969



Y-S. Trưởng
Y-S. T. NGUYEN-NGOC-BAY

Tên họ quân-nhân HUỲNH-HỮU-BAN

Số quân 41/100.701 cấp bậc ĐẠI-TÁ

Đơn-vị CNC/VP. TÔNG-THAM-MƯỜU-PHỐ

Ngày mãn giao-kèo (I)

K.B.C. 40.02 ngày 10-11-1969

Đại-Tá HUỲNH-HỮU-BAN
Cục-Trưởng Cục Nghiên-Cứu



CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TỔNG-THAM-MƯU
PHÒNG TỔNG QUẢN-TRỊ

Số: C.01/TM/TQT/HSCN/HS.

ĐẠI-TƯỚNG TỔNG THAM-MƯU-TRƯỞNG/QLVNCH.

CHỨNG NHẬN

HUỖNH - HỮU - BAN Cấp bậc Đại-Tá/TB Số quân 41A/100.701
 Sinh ngày 04.02.1921 tại Thanh-Hoà - An-Nhơn - Tỉnh Bình-Định
 Con Ông HUỖNH - NHƠN (X,C) và Bà NGUYỄN - THỊ - TINH (X,C)
 Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01 tháng 02 năm 1.954
 Được giải-ngũ ngày 31 tháng 03 năm 1.974
 Do ~~ND 1078/CP/ND~~ số: 1078/CP/ND ngày 15 tháng 12 năm 1.973
 Của: (Cơ-quan, Đơn-vị) Bộ Quốc-Phòng
 Thấm niên quân-vụ: 20 năm 02 tháng 00 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ: Đạo hạn trở

Địa chỉ khai về cư-ngụ: Số 48/4 Đường Nguyễn-Biểu - Chợ-Lớn



Chữ ký đường-sứ

[Signature]



ngày 29 tháng 11 năm 1974
 TL Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
 Tổng-Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH
 Phó-Tổng-Tham-Mưu-Trưởng Bộ-TM
 Tổng-Nguyên-Xuân-Trang
 Tham-Mưu-Pháp-Viên

[Signature]

(14) QUESTIONNAIRE FOR ODP APLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV _____

Date :
Ngày : _____A/ BASIC IDENTIFICATION DATA/ LÍ LỊCH CĂN BẢN :

1. Name : NGUYỄN THỊ HÓN Sex : Nữ
 Họ tên : NGUYỄN THỊ HÓN Phái : Nữ

2. Other name :
 Họ tên khác :

3. Date, place of birth : 29.01.1929 Khánh Hòa Province Vietnam
 Ngày, nơi sinh :

4. Residence address : 48/4 Nguyễn Biểu Q.5 - TP.Hồ Chí Minh
 Địa chỉ thường trú :

5. Mailing address : 48/4 Nguyễn Biểu Q.5 - TP.Hồ Chí Minh
 Địa chỉ thư từ :

6. Current occupation :
 Nghề nghiệp hiện tại: Nội trợ

B/ RELATIVE TO ACCOMPANY ME/ BÀ CON CÙNG ĐI VỚI TÔI :

ST	Name	Date of birth	place of birth	Sex	MS	Relationship
:	Họ Tên	N/T/ Năm sinh	Nơi sinh	:	:	:
01	Huỳnh Thị Mỹ Hương	14.01.1948	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
02	Huỳnh Thị Mỹ Nga	15/02.1951	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
03	Huỳnh Hữu Chí	11.4.1954	Khánh Hòa	M	S	Son /son
04	Huỳnh Hữu Kim	27.02.1956	Khánh Hòa	M	S	Son /son
05	Huỳnh Hữu Quang	10.05.1960	Khánh Hòa	M	S	Son /son
06	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	22.3.1963	Khánh Hòa	F	S	daughter/son
07	Huỳnh Hữu Khoa	25/06.1965	Saigon	M	S	Son /son
08	Huỳnh Hữu Đăng	18/03.1968	Saigon	M	S	Son /son

C/ RELATIVE OUTSIDE VIETNAM/ HỌ HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI : No/ Không cóD/ COMPLETE FAMILY LISTING/ DANH SÁCH TOÀN THỂ GIA ĐÌNH :

1. Father : Nguyễn Hữu Hò (Dead/chết)
 Cha :

2. Mother : Nguyễn Thị Đậu (Dead/chết)
 Mẹ :

3. Spouse : Huỳnh Hữu Ban; 1921, Colonel RNVAF, Serial number 41/100.761 dead in Reeducation camp HoanglienSon in 1977.
 Chồng :

4. Former spouse : Không có
 Chồng trước :

5. Children :

(1)	Huỳnh Thị Mỹ Hương	1948	(Living/Sống)
(2)	Huỳnh Thị Mỹ Nga	1951	(Living/Sống)
(3)	Huỳnh Hữu Trung	1952	(Living/Sống)
(4)	Huỳnh Hữu Chí	1954	(Living/Sống)
(5)	Huỳnh Hữu Kim	1956	(Living/Sống)
(6)	Huỳnh Hữu Quang	1960	(Living/Sống)
(7)	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	1963	(Living/Sống)
(8)	Huỳnh Hữu Khoa	1965	(Living/Sống)
(9)	Huỳnh Hữu Đăng	1968	(Living/Sống)
(10)	Ngô Khánh Ngọc - daughter inlaw - 1954		(Living/Sống)
(11)	Huỳnh Hữu Ngọc Quỳnh - grand daughter - 1983		(Living/Sống)

-2-

6. Siblings

Anh chị em : (1) Nguyễn Vero (Dead/Chết)

E/ EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE : No / Không cóF/ SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/ BẠN HAY CHỒNG BẠN ĐÃ CÔNG VỤ VỚI CHÍNH PHỦ VN :

1. Name of person serving
Họ tên người tham gia : HUỖNH HỮU BAN
2. Date From To
Ngày tháng năm từ : 1953 đến : 1973
3. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng : Colonel RVNAF , Đại tá, Serial number 41/100.301 Trưởng phòng 5 /BỘ TTM
4. Military unit
Đơn vị : Bộ Tổng tham mưu phòng 5 KBC 4002/ 5
5. Name of supervisor / C.O : LT General Nguyễn Văn Mạnh
Họ tên sĩ quan chỉ huy Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham mưu
6. Reason for separation : Reaching retire age
Lý do nghỉ việc : Fưu trí
7. Name of American Adviser : Unknown
Tên cố vấn Mỹ : Không biết
8. US training courses in Vietnam : Unknown
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN : Không biết
9. US award or certificates : Bronzes star

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE : NoBẠN HOẶC CHỒNG BẠN ĐÃ ĐƯỢC HUẤN LUYỆN Ở NGOÀI QUỐC : Không cóH/ REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / BẠN HOẶC CHỒNG BẠN ĐÃ HỌC TẬP CÁI TẠO :

1. Name of person in reeducation
Họ tên người học tập cải tạo : HUỖNH HỮU BAN
2. Time in reeducation : From 15.6.1975 To dead in Reeducation camp Hoàng liên sơn in 1977
Thời gian học tập : Từ 15/6/1975 đến chết vào năm 1977 ở trại cải tạo Hoàng liên Sơn (AH - 2NT)
- 3/ Still in reeducation? No
Vẫn còn học tập cải tạo ? Không

I/ ANY ADDITIONAL REMARK / GƯOC CHÚ PHỤ THUOC :

Gia đình tôi xin được định cư tại Hoa Kỳ

- Chồng tôi là Huỳnh Hữu Ban, Đại tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, thành viên của phái đoàn quân sự Hoa đàm Paris năm 1973, Trưởng phòng 5 Bộ Tổng Tham mưu - Tiến sĩ công pháp - đã chết trong trại cải tạo AH - 2NT Hoàng Liên Sơn vào năm 1977 (Giấy Báo tử của Đoàn 776 ghi nhầm chử vụ Đại tá)

- Con tôi là Huỳnh Hữu Chí, sinh năm 1954, Thiếu úy QLVNCH, Trung đội trưởng - Tiểu đoàn 3 - Sư đoàn nhảy dù, tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc gia Đà Lạt khóa 29, học tập cải tạo từ ngày 28.6.1975 đến 06.9.1980 tại trại cải tạo 2 - ĐOC Hàm Tân và bị giam về tội vượt biên từ ngày 30.3.1987 (đã kết án 18 tháng tù tại Tỉnh Hậu Giang)?

- 3 -

- Con tôi là Huỳnh Hữu Trung.-có gia đình, vợ là Ngô Khánh Ngọc - sinh năm 1952, phó đốc sự hạng 3 . phó quận trưởng Quận Phú Lễ Tỉnh Thừa Thiên, tốt nghiệp trường quốc gia hành chánh khoa đốc sự 19 học tập cai tạo trại 15 - NV từ 15.6.1975 đến 20.01.1976

- Đã gửi QL hồ sơ đến : Mr. Director of the ODP office
127 Bantachum Building soath
Sathorn road Bangkok 10120
Thailand

và QL hồ sơ đến : Migration and Refugee
service 1312 Mass Avenue N. W
Washington D.C 20.30 - 202/659 -
6625 Attires
U.S.A

vào đầu tháng 8 năm 1988

Date
ngày 3-08-1989

Signature.
Ký tên



Nguyễn Thị Hón

ĐỒ THÀNH SAIGON

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Toà Hành Chánh Quận 5

HỘ TỊCH

Số hiệu : 2548 B

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.

Tên, họ đứa nhỏ : HUỖNH-HỮU ĐĂNG

Phái : Nam

Ngày sanh : Mười tám tháng ba, năm một ngàn chín trăm
sáu mươi tám, hồi 21g45

Nơi sanh : 101/4 Đại lộ Trần Hoàng Quân

Tên, Họ người cha : HUỖNH-HỮU BAN

Tuổi : Bốn mươi bảy

Nghề nghiệp : Quân nhân

Nơi cư ngụ : 1067A Đại lộ Trần Hưng Đạo

Tên, Họ người mẹ : NGUYỄN THỊ HỒN

Tuổi : Ba mươi chín

Nghề nghiệp : Nội trợ

Nơi cư ngụ : 1067A Đại lộ Trần Hưng Đạo

Vợ chánh hay thứ : Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 19 tháng 3 năm 1968

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 01 năm 1971

TUN. QUẬN TRƯỞNG QUẬN 5

NGUYỄN KIM BA (đã ký)

Đặc Khẩn
Saw Y Ban Chánh.
Ngày 09/6/78
Nguyễn Hoàng 19/05/78



VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ TƯ-PhÁP

SỞ TƯ-PhÁP HUẾ

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN NINH-HOÀ

TÒA SƠ-THẨM NHATRANG

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN NINH-HOÀ

BIÊN BẢN THẾ VÌ : GIẢ THỬViệc số **8669** /TP/NH/60Ngày **24-02-1961**của **HUYNH-HUU BAN và NGUYỄN-THỊ-HÓN**

Năm một nghìn chín trăm **sáu mươi một** ngày **hai mươi** tháng **hai** hồi **10** giờ.

Trước mặt chúng tôi **TRAN-NGOO-NGHI**

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa Hòa-giải Quận Ninh-Hoà ngồi tại Văn-phòng,

có Ông **Phạm-Sa**, Thư-ký kiêm Lục-sự giúp việc,

có Ông **Huỳnh-huân-Ban**, 40 tuổi, nghề-nghiệp **quân-nhân**

chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**

thẻ kiểm-tra căn-cước số **NI704/ 21A15318**, cấp tại **Cholon (Nam-Việt)**

ngày **23-7-1955** ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**

đến trình-diện rằng hiện nay y không thẻ xin sao lục **giả thử** của y được

vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ bộ đã bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Nên yêu-cầu bản Tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu đến, đề lập cho y biên-bản thay thế chứng-thư hộ-tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện :

1) **Nguyễn-thọ-Tô**, 48 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh-quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340100/1000005** cấp tại **Ninh-Hoà** ngày **30-8-1955**
ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

2) **Trần-Bang**, 43 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340100/18A 000222** cấp tại **Ninh-Hoà** ngày **25-8-1955**
ngụ tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

3) **Lê-văn-Ứng**, 51 tuổi, nghề-nghiệp **công-chức**
chánh quán tại **thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**
thẻ kiểm-tra căn-cước số **T340019/10A 0004** cấp tại **Ôm-Bôn** ngày **30-4-1956**
ngụ tại **thôn Vĩnh-Phú, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà**.

Miên lệ phí
(ngh)-định ngày
17-11-1947)

Ba nhân chứng nói trên, sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hình-luật phạt tội ngụy chứng về việc hộ (từ 3 tháng đến 1 năm tù hay phạt bạc từ 30\$ đến 120\$) đã tuyên-thệ và chứng thật có biết rằng :

Huỳnh-hữu-Ban, sanh ngày 4 tháng 2 năm 1921, tại thôn Thanh-Hoà, quận An-Nhơn, tỉnh Bình-Định, con 8. Huỳnh-Nhơn(c) và bà Nguyễn-thí-Tinh (c), đã kết-hôn làm vợ chồng thật với bà Nguyễn-thí-Hồng, sanh ngày 29 tháng 1 năm 1929, tại thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà, con 6. Nguyễn-hữu-Hồ (c) và bà Nguyễn-thí-Đầu .

Cuối ngày Bốn tháng Chín năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (4-9-1944) tại thôn Mỹ-Hiệp, quận Ninh-Hoà, tỉnh Khánh-Hoà.

Và duyên-cớ mà đương-sự không thể xin sao lục chứng-thư hộ-lich được là vì bản chính đã bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Bởi vậy Bản Tòa, chiếu theo sự kiện trên và các điều 47, 48 Hoàng-Việt Hộ-luật lập biên bản thế vì **giả thú** cho tên **Huỳnh-hữu-Ban và Nguyễn-thí-Hồng**

để tùy nghi tiện dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nộp tại bản Tòa ngày 24-02-1961

Sau khi đọc lại, đương-sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chúng tôi và Lục-sự.

Làm tại Ninh-Hòa ngày, tháng, năm như trên.

Thư-ký kiêm Lục-Sự,

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán,

Phạm-Sa

TRAN-NGOC-NGHI

Nhân chứng,

Nguyễn-tho-Tô

Trần-Bang

Lê-văn-Ứng

Đương-sự,

Huỳnh-hữu-Ban

Nguyễn-thí-Hồng

SAO XANH CHINH

Ninh-Hoà, ngày 8 tháng 3 năm 1961

K.T. Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán



PHAM-SA

Duyệt xem và trước-bạ tại Nha Trang
ngày 4 tháng 3 năm 1961

Quyển ————— tờ ————— số

Thư : Miễn thuế

CHỦ-SỰ
ký tên : **TẠ-HUYNH**
(và đóng dấu)

TỈNH hay THỊ - XÃ

Tỉnh Khánh-Hòa

Quận Ninh-Hòa

Xã (Phường)

Xã Ninh-Hiệp

Số hiệu 01,

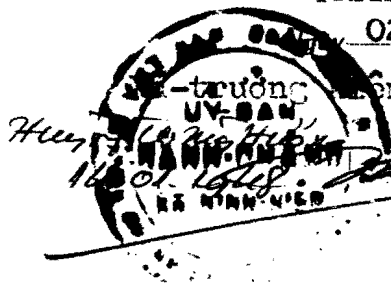
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 01 tháng 3 năm 1948,Tên họ đứa trẻ : HUYỀN-THỊ MỸ-HƯƠNG,Con trai hay gái : NỮNgày sanh ngày mười bốn, tháng giêng, năm một ngàn
chín trăm, bốn mươi tám (14/01/1948)Nơi sanh Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phủ Ninh-HòaTên họ người cha : HUYỀN-HỮU-BAN,Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THỊ-HÔN,Vợ chánh hay không hôn thú : vợ chánhTên họ người đứng khai : HUYỀN-HỮU-BAN,

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

02 tháng 8 năm 1974

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



TỈNH hay THỊ - XÃ

~~Tỉnh Khánh Hòa~~

Quận ~~Hải Hòa~~

Xã (Phường)

~~Xã Vĩnh Hiệp~~

Số hiệu 08,

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 16 tháng 02 năm 19 51,

Tên họ đứa trẻ : HUYỀN-SHỊ-HY-HOÀ,

Con trai hay gái : NỮ

Ngày sanh Ngày mười lăm, tháng hai, năm một nghìn,
chín trăm, năm mươi một. (15-02-1951)

Nơi sanh Khu 10-Hiệp, Tôn Thất-Trung, Phường
Hải Hòa.

Tên họ người cha : HUYỀN-HOÀ-DANH,

Tên họ người mẹ : NGUYỄN-SHỊ-HOÀ,

Vợ chánh hay không hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : HUYỀN-HOÀ-DANH,

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

08 tháng 8 năm 19 74

CHỦ-UY- VIÊN HỘ-TỊCH



Tỉnh _____

Quận KHÁNH-HÒAXã NINH-HÒANINH-HIỆP

Số hiệu : _____

90

GIẤY KHAI-SANH

HỌ TÊN NGƯỜI CON	HUYNH - HUU - CHI
Quốc-Tịch	VIỆT - NAM
Con trai hay con gái	TRAI
Sanh ngày, tháng, năm (Viết toàn chữ và chưa thêm số)	Ngày mười một, tháng tư, năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn. (II-04-1954)
Sanh tại làng, quận, tỉnh	Làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề- nghiệp, sanh-quán, trú-quán của người cha (nếu cha mẹ có giá- thứ chánh đáng hoặc người cha nhận chính là con mình) không thì khoản này bỏ trống	HUYNH-HUU-DAN, 33 tuổi, sanh quán Làng Thanh-Hòa, Phú An- Nhơn, Tỉnh Bình-Nhĩa, trú quán làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề- nghiệp, sanh-quán và trú-quán của người mẹ (khi nào không biết người mẹ là ai thì khoản này bỏ trống)	NGUYỄN-THỊ-HOÀ, 25 tuổi, sanh quán và trú quán làng Mỹ-Hiệp, Tổng Hiệp-Trung, Phu Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Ngôi thứ của người mẹ (nếu mẹ có giá-thứ hợp-pháp thì kê rõ vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ)	VỢ - CHÁNH
Họ tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh- quán, trú-quán của người khai	NGUYỄN-THỊ-HOÀ, 25 tuổi, nội-trú làng Mỹ-Hiệp, Phu Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh- quán và trú-quán của người làm chứng thứ nhất	NGUYỄN-TRẠCH, 37 tuổi, PHÚ- THƯỜNG Phu Ninh-Hòa, trú quán làng Vĩnh-Phước, Phú Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa.

Lê chữ để lược biên án tòa sửa giấy khai này lại hoặc để in các ước chủ khác.

Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh-quán và trú-quán của người làm chứng thứ nhì	TRẦN-NHƯ-HÀ, 49 tuổi, sanh quán Làng Tam-lịch, trú quán làng Mỹ-Hiệp, I-Ta Trưởng Ninh-Hòa.
---	--

Giấy này làm tại Mỹ-Hiệp, ngày 20 tháng 04 năm 1954

Người khai
NGUYỄN-THỊ-HỒNG
(Ký tên)

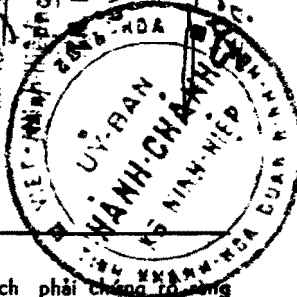
Người làm chứng
thứ nhất
NGUYỄN - TRẠCH
(Ký tên)

Người làm chứng
thứ nhì
TRẦN-NHƯ-HÀ
(Ký tên)

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH
HỌ - TRẠCH
(Ký tên và đóng dấu)

Khoản trống để công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.

PHUNG TRICH LUC SAO Y SO BO
Năm 1954
Cục Xổ Lũy
Thị trấn Tam-lịch
Xã Tam-lịch
Huyện Tam-lịch
Thị trấn Tam-lịch
Xã Tam-lịch
Huyện Tam-lịch
Thị trấn Tam-lịch
Xã Tam-lịch
Huyện Tam-lịch



CHÚ Ý: - Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực.
- Người nào không biết ký tên thì phải in dấu tay vào, Ủy-viên Hộ-tịch phải đóng dấu người ấy không biết ký tên.

Tỉnh Khánh-Hòa
 Quận Ninh-Hòa
 Xã Ninh-hiệp

Số hiệu 36

GIẤY KHAI-SANH

HỌ TÊN NGƯỜI CON	HUỲNH-HỮU-KIM.
Quốc-Tịch	Việt-Nam
Con trai hay con gái	trai
Sinh ngày, tháng, năm (Viết toàn chữ và chừa thêm số)	Này hai mươi bảy, tháng hai, năm một ngàn, chín trăm, năm mươi sáu, (27-2-1956)
Sinh tại làng, quận, tỉnh	Thôn Mỹ-hiệp, Thị trấn Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa,
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề- nghiệp, sanh-quân, trú-quân của người cha (nếu cha mẹ có giá- thú chánh đáng hoặc người cha nhận chính là con, mình) không thì khoản này bỏ trống	HUỲNH-HỮU-BAN, 35 tuổi, sanh quân làng Thanh-Hóa, Phu-An-Nhon Tỉnh Bình-Dịnh, trú quân làng Mỹ-hiệp, Thị trấn Ninh-Hòa, Quận Ninh-Hòa, Tỉnh Khánh-Hòa, Quan- nhân Q.D.C.H.V.N.
Họ, tên, quốc-tịch, tuổi, nghề- nghiệp, sanh-quân và trú-quân của người mẹ (khi nào không biết người mẹ là ai thì khoản này bỏ trống)	NGUYỄN-THỊ-HỒN, 27 tuổi, sanh quân và trú quân thôn Mỹ-hiệp, Thị-trấn Ninh-hoa, Quận Ninh-hoa Tỉnh Khánh-Hòa, nội trợ,
Ngôi thứ của người mẹ (nếu mẹ có giá-thú hợp-pháp thì kê rõ, vợ chánh, vợ lẽ hay vợ thê)	vợ chánh
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh- quân, trú-quân của người khai	NGUYỄN-THỊ-HỒN, 27 tuổi, sanh quân và trú quân thôn Mỹ-hiệp, Thị trấn Ninh-Hoa, Quận Ninh-Hoa Tỉnh Khánh-Hòa.
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sanh- quân và trú-quân của người lên chứng thứ nhất	TRẦN-NHU-HÀ, 51 tuổi, Y-Tá, sanh quân làng Tam-ích, trú quân thôn Mỹ-hiệp, Quận Ninh-hoa, Tỉnh Khánh Hòa,

là giấy khai sinh được biên án theo mẫu của Bộ Nội vụ và được cấp cho người khai khai

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Ngày 27 tháng 2 năm 1956
 TUG CHỦ TỊCH UBND XÃ

UY VIÊN PHỤ

Nguyễn Hữu Thành

Họ, tên, tuổi, nghề - nghiệp, sanh-
quán và trú-quán của người
làm chứng thứ nhì

NGUYỄN-HỮU-MẠO, 48 tuổi, sanh
quán và trú quán làng Mỹ-hiệp
thị trấn Ninh-hòa, Tỉnh Khánh
Hòa,

Giấy này làm tại Mỹ-hiệp, ngày 02 tháng 3 năm 1956

Người khai

Nguyễn-thị-Hôn
(ký tên)

Người làm chứng
thứ nhất

Tân-như-Hà
(ký tên)

Người làm chứng
thứ nhì

Nguyễn-Hữu-Mạo
(ký tên)

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Nguyễn-đức-Hạp
(ký tên và đóng dấu)

Khoản trống đã công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.

CHỨNG THỰC

Chữ ký của Ủy viên Hộ tịch

Ninh-Hòa, ngày 02 tháng 03 năm 1956

K. T. QUAN TRƯNG TUN

Trưởng Phòng Hộ tịch

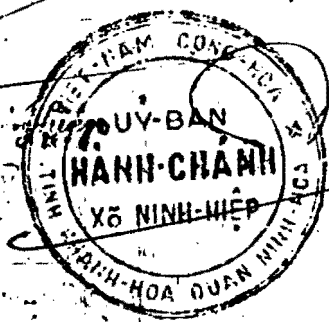


PHUNG TRÍCH-LỤC SAU-Y SỞ BỘ

Năm 1956... của xã Mỹ-hiệp...

Đã làm ngày 14 tháng 10 năm 1956

CHỦ-TỊCH U.B.H.C. XÃ KIỂM HỘ-TỊCH



CHỮ-Y : Chỗ trống không đóng phải kéo một nét mực.

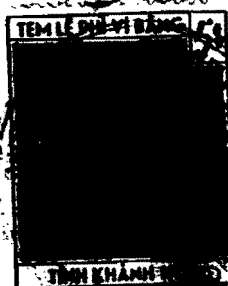
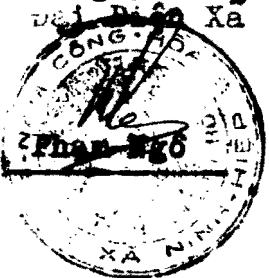
— Người nào không biết ký tên thì phải in, dấu tay vào. Ủy-viên Hộ-tịch phải chứng tỏ rằng người ký không biết ký tên.

KHAI SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI Huỳnh Hữu Quang
 Phái Nam
 Sinh Ngày mười tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu
 (Ngày tháng năm) mười (10-5-1960)
 Tại Thôn Mỹ Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Quận Ninh Hòa
 (Tên họ) Huỳnh Hữu Quang
 Tuổi 39 Tuổi
 Nghề nghiệp Quân Nhân
 Cư trú tại 1067 Trần Hưng Đạo Sài Gòn
 Mẹ Nguyễn Thị Hôn
 (Tên họ)
 Tuổi 31 Tuổi
 Nghề nghiệp Nội trợ
 Cư trú tại Thôn Mỹ Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Quận Ninh Hòa
 Vợ chánh hay thứ Vợ chánh
 Người khai Nguyễn thị Hôn
 (Tên họ)
 Tuổi 31 Tuổi
 Nghề nghiệp Nội Trợ
 Cư trú tại Thôn Mỹ Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Quận Ninh Hòa
 Ngày khai ngày 21 tháng 5 năm 1960
 Người chứng thứ nhất Nguyễn Mân
 (Tên họ)
 Tuổi 48 Tuổi
 Nghề nghiệp Làm Thuố
 Cư trú tại Thôn Mỹ Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Quận Ninh Hòa
 Người chứng thứ nhì Phan thị Thiệt
 (Tên họ)
 Tuổi 43 Tuổi
 Nghề nghiệp Làm mụ
 Cư trú tại Thôn Mỹ Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Quận Ninh Hòa



Nhận-Thất
 Chữ Ký của Ông Thôn
 Trưởng Thôn Mỹ Hiệp
 Ninh Hiệp ngày
 21 tháng 5 năm 1960
 Đại Diện Xã



Làm tại Thôn Mỹ Hiệp, ngày 21 tháng 5 năm 1960.

Người Khai,
Nguyễn Thị Hôn
 (Ký Tên)

HỌ - LẠI
Phụng Trích Lạc
 Thôn Trưởng kiêm Hộ Lại

Nhân Chứng,
Nguyễn Mân
 (Ký Tên)
Phan thị Thiệt

TỈNH hay THỊ-XÃ

Tỉnh Khánh-Hòa

Quận Ninh-Hòa

Xã (Phường)

Xã Ninh-Hiệp

Số hiệu 74

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 02 tháng 4 năm 1963

Tên họ đứa trẻ : HUỖNH-THỊ MỸ-TRINH

Con trai hay gái : NỮ

Ngày sanh ngày hai mươi hai, tháng ba, năm một
ngàn, chín trăm, sáu mươi ba. (22/3/1963)

Nơi sanh Thôn Mỹ-Hiệp, Xã Ninh-Hiệp, Ninh-Hòa.

Tên họ người cha : HUỖNH-HỮU-BAN,

Tên họ người mẹ NGUYỄN-THỊ-HÒN,

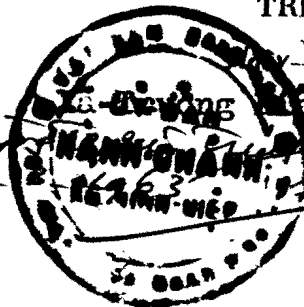
Vợ chánh hay không hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : NGUYỄN-THỊ-HÒN,

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

02 tháng 8 năm 1974

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Khó-ky

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NĂM

HỘ-TỊCH

THUẾ/12

Số hiệu: 6583B

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Miễn phí quân vụ

Năm một ngàn chín trăm Sáu mươi lăm

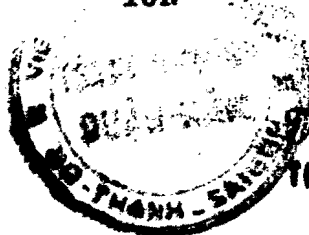
Tên, họ đứa nhỏ	HUYNH HUU KHOA
Phái	Nam
Ngày sanh	hai mươi lăm tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm hồi 8GI5
Nơi sanh	101/4 đại lộ Trần Hoàng Quân
Tên, họ người Cha	HUYNH HUU BAN
Tuổi	Bốn mươi bốn
Nghề-nghiep	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	1067-B đại lộ Trần Hưng Đạo
Tên, họ người Mẹ	NGUYEN THI HON
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	1067-B đại lộ Trần Hưng Đạo
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 29 tháng 6 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÁNH:

Saigon, ngày 30 tháng 8 năm 1972

TUN QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NĂM,



Nguyễn Kim Ba
Tham-Sự Hành-Chánh



To: Nguyễn thị Hoàn
48/4 Nguyễn Biểu.
Q5. TP. Hồ chí Minh
Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~0727970123~~

Họ tên **HUYỀN LƯU ĐÀNG**



Sinh ngày **18-3-1968**

Nguyên quán **Phủ An Ninh,**

Nghĩa Bình.

Nơi thường trú **48/4, Kháng-
Chiến, Q5, TP. Hồ Chí Minh.**

Số

3054/Suy

WP-0136

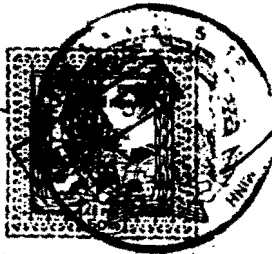
CHỨNG NHÂN CÔNG AN CHÁNH

Xuất trình tại **TP. HCM**

Ngày **29** tháng **7** năm **1988**

TRUỞNG PHÒNG 1/Q.5

CHỦ TỊCH



nam

Nguyễn Thị Lan

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng 1 cm cách
0,4 cm trên trước cánh
mũi trái

Ngày 10 tháng 8 năm 1983

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

Thạch
Đức Anh Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021605596**

Họ tên **HUYỀN HỮU KHOA**

Sinh ngày **25-06-1965**

Nguyên quán **Thạnh Hòa,**

Qui Nhơn.

Nơi thường trú **48/4 Kháng Chiến**

Q.5, TP. Hồ Chí Minh.



Số **286/ky** WP-0136

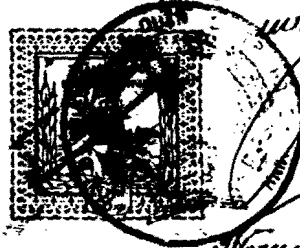
CHỨNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại UBND PHƯỜNG **1/Q.5**

Ngày **20** tháng **7** năm **1988**

TM. UBND PHƯỜNG **1/Q.5**

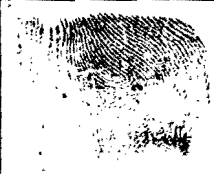
T/ CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Handwritten signature

ĐƠN MÃNG D. 1
Số...
...

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo cong 2,2cm cách 2cm trên trước mép phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 13 tháng 03 năm 1980 THÀNH LẬP ĐƠN VỊ CÔNG AN QUÂN 5  Đã Sơn	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020783422**

Họ tên **HUỲNH THỊ MỸ TRINH**

Sinh ngày **22-3-1963**
 Nguyên quán **An Nhơn,
 Nghĩa Bình.**

Nơi thường trú **48/4 Kháng-
 Chiến, TP. Hồ Chí Minh.**

Số 3054 / Sy WP-0136

CHỖ ĐANG CHÁNH

Xuất PHƯỜNG 4

Ngày 29 tháng 7 năm 19 88

TM. UBND PHƯỜNG 4/Q.5

CHỦ TỊCH

Mar

Nguyễn Thị Lan

Dã, tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DA VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

**Sẹo chàm, 1,5cm
trên sau mạp trái.**

NGON TRỎ TRÁI

NGON TRỎ PHẢI

Ngày 19 tháng 3 năm 1979
TÀI LIỆU ĐÓNG DẤU TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CS1
M. H. H.
Hai van Bui



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020801829

Họ tên HUỖNH HỮU QUANG

Sinh ngày 10-5-1960

Nguyên quán An Nhơn,

Nghĩa Bình.

Nơi thường trú 48/4 Kháng -
Chiến, TP. Hồ Chí Minh.

Số

3054/Sy

WP-0136

CHỨNG

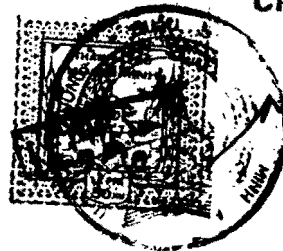
CHÍNH

Xuất trình theo quy định

Ngày 15 tháng 7 năm 1988

THỦ BƯỞI THƯỜNG 1/0.5

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lan

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Số tháng d lem cách
4cm trên sạp cánh
mũi trái.

Năm 10 tháng 11 năm 1979

T.Ư. CÔNG AN
HƯỚNG CÔNG AN QUÂN 5

Chức vụ: *Trưởng*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020783448**

Họ tên: **HUỖNH HỮU KIM**

Sinh ngày: **27-02-1956**

Nguyên quán: **An Nhơn,**

Nghĩa Bình.

Nơi thường trú: **48/4 Kháng-**
Chiến, TP. Hồ Chí Minh.



Số: **3054**

CHỦNG NHẬN CÔNG AN CHÁNH

Xuất trình công an

Ngày: **27**

Tháng: **02**

Năm: **1956**

Chuẩn: **1/0.5**

CHU TỊCH



Nguyễn Thị Lan

WP-0436

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DAU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo không rõ hình d,
1,5cm r, 0,6cm c, 3,2cm
trên đầu may phải.

Ngày 20 tháng 3 năm 1979

TAY KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG C&I

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

MAUC
Thái Văn Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **070783428**

Họ tên **HUỲNH THỊ MỸ NGA**



Sinh ngày **15-02-1951**

Nguyên quán **An Nhơn,**

Nghĩa Bình.

Nơi thường trú **48/4 Kháng-**

Chiến, TP. Hồ Chí Minh.

Số

30574

/Ký

WP-0136

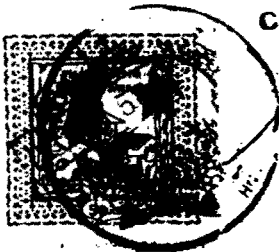
CHỦNG NHẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày **29** tháng **7** năm 19**88**

TR. UBND PHƯỜNG 1/Q.5

CHỦ TỊCH



Nhan

Nguyễn Thị Lan

Dân tộc: **Kinh** .. Tôn giáo :..... **Không** ..



NGÓN TRỎ TRÁI

DAU VẾT BIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Nốt ruồi c, 2, 5cm
trên trước mạp trái.**

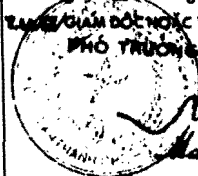


NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **19** tháng **3** .. năm **1979**

THAM GIAM ĐÓC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CS2



Mai Văn Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020366229**

Họ tên: **HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG**

Sinh ngày: **14-01-1948**

Nguyên quán: **An Nhơn, Nghĩa Bình.**

Nơi thường trú: **48/4 Kháng-Chiến, TP. Hồ Chí Minh.**

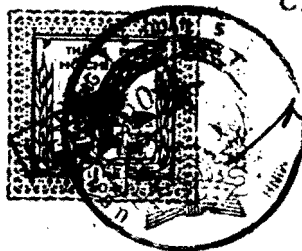


Số: **3054 / SM**
CHỖ S. NHÂN GIỚI Y. R. AN CHÁNH
Xuất trình tại UBND PHƯỜNG **1**

WP-0136

Ngày **29** tháng **7** năm 19 **88**

TM. UBND PHƯỜNG **1/Q.5**
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lan

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Tàn nhang c, 3cm trên
sau cánh mũi phải.

Ngày 23 tháng 3 năm 1979

T. L. B. K. M. O. S. O. A. C. T. R. U. O. N. G. T. Y. C. O. N. G. A. N.
B. I. T. R. U. O. N. G. C. O. N. G. A. N. Q. U. A. N. 5



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C20251257

Họ tên NGUYỄN THỊ HỖN

Sinh ngày 29-01-1929

Nguyên quán Mỹ Hiệp,

Phủ Khánh.

Nơi thường trú 48/4, Kháng-
Chiến, TP. Hồ Chí Minh.

WP-0136

Số 384/Say

CHIẾN HẠNG GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất bản do UBND PHƯỜNG 05

Ngày 29 tháng 7 năm 1988

TM. UBND PHƯỜNG 05



Handwritten signature and text

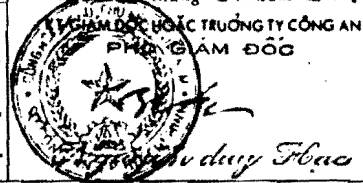
Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm c, 1cm dưới
sau cánh mũi phải.

Nơi 24 tháng 8 năm 1978



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





Hệ Cháu Quỳ
sinh ngày 10/5/
1950 tại
Khóm Hoa

Hệ Cháu Tạng
sinh 18/3/1968
tại Samsen

Hệ Cháu Tôn
sinh 27/02/1956
tại Khóm Hoa

Hệ Cháu Tuấn
sinh 11.4.1954
Khóm Hoa
VIET NAM

Hệ Cháu Khoa
sinh 25/5/1965
tại Samsen



Họ tên: Lý Hùng
Sinh: 22/3/1963
tại: Khánh Hòa

Họ tên: Lý Hòa
Sinh: 15/02/1957
tại: Khánh Hòa

E 7030
Họ tên: chị
Nguyễn Thị Hùng
Sinh: 14/01/48
tại: Khánh Hòa
Việt Nam

NGUYỄN THỊ HÒN
SINH NGÀY:
29-01-1929
TẠI: KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Hân
Sinh 29/01/1929

H. Xuân Kien
Sinh 24/02/1956

H. Xuân Khoa
Sinh 25/06/1965
Mẹ

Nguyễn Xuân Chi
Sinh 11/04/1984

H. Xuân Quang
Sinh 10/05/1960

Nguyễn Thị Hân
Sinh 29/01/1929
Mẹ

H. Thị Mỹ Tròn
Sinh 22/03/1963
tại quê

H. Thị Mỹ Tròn
Sinh 22/03/1963
tại quê

WP-0136

Huỳnh Cửu Bân
Sinh ngày 04/02/1921
tại Bône Bins

Đã đi Tọa độ/kinh 5.
b8, ngày 1 tháng 1 năm 1957
AUM CTT.

H. Cửu Khoa
Sinh 25/06/1965
tại Bône

H. Thiệu Hên
Sinh 15/10/1957
tại Khams